

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

BÀI GIẢNG

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Học phần I

(Dùng cho sinh viên khối đại học và cao đẳng sư phạm)

GIẢNG VIÊN: HỒ VĂN CƯỜNG

Quảng Ngãi, 05/2019

LỜI NÓI ĐẦU

GDQP-AN trong các trường CĐSP, các cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa. Mục tiêu là chuẩn bị cho HS-SV hoàn thiện về tinh thần, thể chất, tự giác tham gia, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và ANQG, đất nước ổn định, kinh tế xã hội phát triển.

Thực hiện thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT về thực hiện chương trình GDQP-AN trong các trường CĐSP, các cơ sở giáo dục đại học, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có tài liệu để nghiên cứu học tập, đáp ứng yêu cầu đổi mới, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường, chúng tôi biên soạn và giới thiệu đề cương bài giảng GDQP-AN học phần 1 (HP1), với thời lượng 30 tiết, dùng cho sinh viên các khối CĐSP và Đại học thuộc trường Đại học Phạm Văn Đồng.

Chương trình GDQP-AN HP1 trong đào tạo cử nhân CĐSP và Đại học các chuyên ngành, yêu cầu phải hiểu biết và nắm vững kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong tình hình mới, mục đích giúp cho sinh viên nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQP-AN, trang bị cho họ những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền QPTD, ANND; Xây dựng LLVTND, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường QP-AN và đối ngoại; Những vấn đề về lịch sử NTQS Việt Nam, đây cũng là những nội dung chính của học phần này.

Đề cương bài giảng được biên soạn dựa trên chương trình, giáo trình qui định của Bộ GD-ĐT, kết hợp với các tài liệu, sách tham khảo có liên quan, theo hướng tập trung vào các vấn đề cơ bản nhất, phù hợp với trình độ khả năng tiếp thu của sinh viên, nhưng vẫn đảm bảo nội dung của chương trình.

Để tiếp thu tốt nội dung bài giảng, sinh viên cần tự nghiên cứu học tập kết hợp với các tài liệu tham khảo, tự giác tích cực trong ôn tập và thảo luận nhóm để nắm chắc các nội dung trọng tâm của bài giảng, đồng thời có thể vận dụng vào hoạt động rèn luyện học tập của bản thân cũng như trong thực tiễn công tác sau này.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã rất cố gắng, song không tránh khỏi những sơ xuất thiếu sót, chúng tôi chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp chân tình của quý thầy cô giáo, các đồng nghiệp và các bạn sinh viên để tập bài giảng ngày càng hoàn chỉnh.

Xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT DÙNG TRONG BÀI GIẢNG

1	ANND	An ninh nhân dân
2	ANQG	An ninh quốc gia
3	ATXH	An toàn xã hội
4	CĐSP	Cao đẳng sư phạm
5	CNXH	Chủ nghĩa xã hội
6	CTND	Chiến tranh nhân dân
7	CNH-HĐH	Công nghiệp hóa-hiện đại hóa
8	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng-an ninh
9	GD-ĐT	Giáo dục-đào tạo
10	HS-SV	Học sinh-sinh viên
11	KH-CN	Khoa học-công nghệ
12	KT-XH	Kinh tế-xã hội
13	LLVTND	Lực lượng vũ trang nhân dân
14	NTQS	Nghệ thuật quân sự
15	QP-AN	Quốc phòng-an ninh
16	QPTD	Quốc phòng toàn dân
17	THSP	Trung học sư phạm
18	VH-XH	Văn hóa-xã hội
19	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

HỌC PHẦN 1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Bài 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

1.1. Mục đích, yêu cầu

1.1.1. Mục đích

Đây là bài mở đầu (nhập môn) nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu được ý nghĩa to lớn của công tác GDQP-AN trong sự nghiệp GDQP-AN toàn dân, đồng thời nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học để sinh viên có cái nhìn tổng thể, xác lập phương pháp nghiên cứu, học tập nhằm đạt được mục đích môn học đề ra.

1.1.2. Yêu cầu

Mỗi sinh viên cần xác định trách nhiệm, thái độ đúng trong học tập môn học GDQP-AN, từ đó tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay khi đang học tập, rèn luyện tại trường học và trong công tác sau này.

1.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của môn học bao gồm đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh, quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết.

1.2.1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính lý luận của Đảng về đường lối quân sự như: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Quan điểm của Đảng về xây dựng nền QPTD, CTND bảo vệ Tổ quốc, xây dựng LLVTND, ANND; Về kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Nghiên cứu đường lối quân sự của Đảng góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên.

1.2.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay như: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp, phòng tránh, đánh trả chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao của đối phương, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới; Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống ở Việt Nam.

1.2.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết

Nghiên cứu các kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy chiến thuật và chiến đấu; Tính năng, cấu tạo, tác dụng, sử dụng và bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK; Tính năng, kỹ thuật sử dụng lựu đạn; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Một số vấn đề về điều lệnh đội ngũ và chiến thuật chiến đấu bộ binh; Ba môn quân sự phối hợp.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần nghiên cứu đặc điểm, nguyên lý, tác dụng, tính năng..., hiểu rõ bản chất các nội dung kỹ thuật, chiến thuật bộ binh; Về khả năng sát thương, với các phương pháp phòng tránh đơn giản, hiệu quả. Trên cơ sở đó, nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đồng thời có thể ứng dụng kỹ thuật này khi tham gia dân quân, tự vệ theo qui định của pháp luật.

1.3. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu GDQP-AN là học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, những quan điểm của các nhà kinh điển Mác-Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội, về xây dựng

LLVTND, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân..., là nền tảng thế giới quan, nhận thức luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quân sự của Đảng và những vấn đề cơ bản khác của GDQP-AN.

Việc xác định học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận, đòi hỏi quá trình nghiên cứu, phát triển GDQP-AN phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm khoa học như:

- *Quan điểm hệ thống*: Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của GDQP-AN một cách toàn diện, tổng thể, trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

- *Quan điểm lịch sử, logic*: Trong nghiên cứu GDQP-AN đòi hỏi phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng, an ninh.

- *Quan điểm thực tiễn*: Chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu GDQP-AN là phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội và công an nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đặc lực cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn mới hiện nay.

1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của GDQP-AN rất rộng, đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp luôn có sự kế thừa và phát triển. Vì vậy, GDQP-AN được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Trong nghiên cứu phát triển nội dung GDQP-AN với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Trước hết, cần sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, mô hình hóa, giả thuyết..., nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra

kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ sung, phát triển làm phong phú nội dung GDQP-AN. Cùng với phương pháp nghiên cứu lý thuyết, cần nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm..., nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động quốc phòng, an ninh, bổ sung làm phong phú nội dung cũng như kiểm định tính sát thực, tính đúng đắn của các kiến thức QP-AN.

Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng quốc phòng, an ninh cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành nhằm bảo đảm cho người học vừa có nhận thức sâu sắc về đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm chắc lý thuyết kỹ chiến thuật, vừa rèn luyện phát triển được các kỹ năng công tác quốc phòng, thuần thục các thao tác, hành động quân sự.

Đổi mới phương pháp dạy học GDQP-AN theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, kết hợp với sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại. Trong quá trình học tập nghiên cứu các vấn đề, các nội dung GDQP-AN cần chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo, tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng, tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận, tăng cường sử dụng các phương tiện kỹ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ cho các nội dung học tập, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học GDQP-AN.

1.4. Giới thiệu môn học

1.4.1. Đặc điểm môn học

GDQP-AN là môn học được luật định, nó được thể hiện rất rõ trong đường lối giáo dục của Đảng và được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp cho sinh viên thực hiện mục tiêu “Hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Kế tục và phát huy những kết quả đã thực hiện Chương trình huấn luyện quân sự phổ thông (theo NĐ 219/CP của Chính phủ năm 1961), Giáo dục quốc phòng (năm 1991), trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và phù hợp với quy chế GD-ĐT trình độ đại học, năm 2013 chương trình môn học tiếp tục được bổ sung, sửa đổi. Như vậy, trong từng giai đoạn cách mạng, chương trình môn học GDQP-AN đều có những đổi mới phục vụ cho sự nghiệp Giáo dục nói chung và công tác quốc phòng an ninh nói riêng trong từng thời kỳ, gắn kết chặt chẽ các mục tiêu của GD-ĐT với quốc phòng - an ninh.

GDQP-AN là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự và thuộc nhóm các môn học chung, có tỷ lệ lý thuyết chiếm trên 70% chương trình môn học. Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh, về kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND.

GDQP-AN góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học cho sinh viên đang học tập trong nhà trường và khi ra công tác. Giảng dạy và học tập tốt môn học GDQP-AN là góp phần đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

1.4.2. Chương trình

Chương trình môn học GDQP-AN cho sinh viên thực hiện theo Thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình được xây dựng trên cơ sở phát triển trình độ các cấp học dưới, bảo đảm liên thông, logic, mỗi học phần là những khối kiến thức tương đối độc lập, tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kết cấu chương trình gồm 4 học phần:

Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng, 30 tiết.

Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh, 30 tiết.

Học phần 3: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng, sử dụng lựu đạn, 85 tiết.

Học phần 4: Hiểu biết chung về quân binh chủng, 20 tiết.

Việc nghiên cứu môn học GDQP-AN đòi hỏi phải nắm vững cơ sở phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, phạm vi và tính chất đa dạng của nội dung môn học này.

1.5. Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất thiết bị dạy học

(Tham khảo thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.6. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập bộ môn GDQP-AN hiện hành *(Thông tư liên tịch số 18/2015/TT-BGDĐT-BLĐTĐBXH, ngày 08/9/2015; V/v Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP-AN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học).*

Bài 2. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊ NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

PHẦN A: Ý ĐỊNH GIẢNG DẠY

2.1. Mục đích, yêu cầu

- Trang bị cho sinh viên (SV) một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Trên cơ sở đó, bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học cách mạng cho người học, giúp họ nhận thức đúng và quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng về chiến tranh, xây dựng quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay.

- Hiểu đúng, nắm chắc nội dung của bài, phát huy trí sáng tạo của tuổi trẻ, tích cực hoạt động, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay.

2.2. Nội dung, thời gian

2.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 6 mục, thực hiện trong 6 tiết.

- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.2.2. Trọng tâm

Quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.3. Tổ chức, phương pháp

2.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.
- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

2.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm..., giới thiệu tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.

- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến để cùng nhau trao đổi thảo luận.

2.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

2.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

2.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

2.7. Nội dung giảng dạy

2.7.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2.7.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin về chiến tranh

- Chiến tranh là một hiện tượng lịch sử xã hội

Chiến tranh là một vấn đề phức tạp, trước Các Mác, Ăng Ghen đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph. CLaudovít (1780-1831); Ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phải phục tùng ý trí của mình. Chiến tranh là sự huy động không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây, C.Ph. CLaudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, ông chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

Đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, dựa trên các luận cứ khoa học và thực tiễn, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và đi đến khẳng định: Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội

có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin chiến tranh là những kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

- Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: Sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (*nguồn gốc kinh tế*), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (*nguồn gốc xã hội*) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Ph.Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị - xã hội cũng chưa xuất hiện. *Mặc dù, thời kỳ này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang, nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng “Lao động nguyên thủy”*. Bởi vì, xã hội công xã nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của “Dư thừa tương đối” để người này có thể chiếm đoạt thành quả lao động của người khác, mục tiêu của các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như: Nguồn nước, bãi chăn thả, vùng săn bắn hay hang động...; Về kỹ thuật quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Theo đó Ph.Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng

với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột, thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành “Bạn đường” của mọi chế độ tư hữu.

Tiếp tục phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, Lênin chỉ rõ: Trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc thì còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, *chiến tranh bắt nguồn từ chính bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc*, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và có áp bức bóc lột. Chiến tranh không phải bắt nguồn từ bản năng sinh vật của con người, không phải là định mệnh gắn liền với con người và *cũng không phải là hiện tượng tồn tại vĩnh viễn*. Muốn xóa bỏ chiến tranh thì phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

- Bản chất của chiến tranh

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực), khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế", "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc", chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang. Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình

tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh.

Ngược lại, chiến tranh là *một bộ phận, một phương tiện của chính trị*, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực, *hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác*. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. *Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hóa các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng*. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị - xã hội.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "Song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. *Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị*" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

2.7.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh thống nhất với quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng đã có sự phát triển, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

- Phân biệt rõ sự đối lập mục đích chính trị của chiến tranh xâm lược và chiến tranh chống xâm lược. Trên cơ sở lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, quy luật của chiến tranh, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội

Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh "Con đũa hai vôi", một vôi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc-Xây (Pháp), Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. "Người Pháp khai hóa văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện". Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ".

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại, cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

- Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

- Hồ Chí Minh khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để "Xây dựng lâu thắng lợi". Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 19-12-1946: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc..., hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

Để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có LLVTND làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao...

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lý luận mác xít về CTND trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

2.7.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.7.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quân đội

- Theo Ph. Ăngghen: “Quân đội là một tập đoàn người có vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự”

Cùng với việc nghiên cứu về chiến tranh, Ph. Ăngghen đã vạch rõ: Quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang chủ nghĩa đế quốc, Lênin nhấn mạnh: Chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự để đạt mục tiêu chính trị đối ngoại, là tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

- Nguồn gốc ra đời của quân đội

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lý luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới lý giải đúng đắn, khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: Quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. *Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.*

Như vậy, **chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội.** Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

- Bản chất giai cấp của quân đội

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định bản chất quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, nhà nước nhất định, nhằm mục đích bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị

và nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng, sử dụng nó. Bản chất giai cấp quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó. Đây là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: Giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị - xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "Phi chính trị hóa quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "Phi chính trị hóa quân đội" của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lè thối thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

- Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Theo quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, trong xây dựng sức mạnh chiến đấu cho quân

đội, các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

Bảo vệ và phát triển tư tưởng đó, V.I. Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế, yếu tố chính trị - tinh thần và kỷ luật, số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kỹ thuật, trình độ huấn luyện và thể lực, trình độ khoa học và NTQS, bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp. Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. *Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I. Lênin khẳng định: "Trong mọi cuộc chiến tranh rồi cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường".*

- Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin

V.I. Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản.

V.I. Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới: Đảng Cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân, đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, xây dựng chính quy, không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát triển hài hòa các quân chủng, binh chủng, sẵn sàng chiến đấu. Trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin vẫn giữ nguyên giá trị, là cơ sở lý luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2.7.2.2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về quân đội

- Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. *Người viết: "Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức"*.

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệt đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hy sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên đỉnh cao.

Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - *Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân*, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

- Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. *Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22-12-1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ". Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Bác Hồ trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước oanh liệt. Vì thế, từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn là quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

- Khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu

Đây là một trong những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lý luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài *Tình*

đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt (3-3-1952), Người viết: "Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác".

- Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.

Bắt nguồn từ nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này, để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: Tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. *Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là Đảng đã đào tạo nên những thế hệ "Bộ đội cụ Hồ", một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới.* Như vậy, nếu không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường XHCN, thì Quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lý tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, lãnh đạo và giáo dục.

- Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội

Mục tiêu lý tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc

với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng CNXH".

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc XHCN. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. *Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột.* Quân đội ta có ba chức năng: Là đội quân chiến đấu, là đội quân công tác, là đội quân sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội.

+ Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc XHCN, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia tiến công địch trên mặt trận lý luận, chính trị - tư tưởng, văn hóa.

+ Là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh.

+ Là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân, giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn, sau nhiều năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh: Quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề.

Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ... Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới hiện nay.

2.7.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

2.7.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN là một cống hiến mới của Lênin vào kho tàng chủ nghĩa Mác, nó đáp ứng trực tiếp nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước Nga. Học thuyết đó chỉ ra một số vấn đề sau:

a. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan

- Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân.
- Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc.

- Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới.

b. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

V.I. Lênin chỉ rõ: Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN; Người luôn nhắc nhở mọi người phải luôn nêu cao cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan, phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng. Người luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

c. Bảo vệ Tổ quốc XHCN phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội

d. Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

V.I. Lênin chỉ ra rằng: Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc XHCN.

2.7.3.2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN vào tình hình cụ thể Việt Nam. Tập trung vào các điểm sau:

a. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu khách quan thể hiện ý chí quyết tâm của nhân dân ta

Tính tất yếu khách quan bảo vệ Tổ quốc được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Các vua hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*, ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc, kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến đêm ngày 19/12/1946, Người nói: *“Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”*.

Ngay sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân, đế quốc và bọn phản động tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta đề ra nhiều biện pháp thiết thực cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*. Trong lời di chúc cuối cùng Người căn dặn: *“Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”*.

Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam.

Trong bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy". Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên XHCN.

c. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

So sánh về sức mạnh giữa ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người phân tích: Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước XHCN anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng.

Để bảo vệ Tổ quốc XHCN, Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền QP TD, ANND, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn: Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hòa bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH.

d. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN phải do Đảng lãnh đạo. *Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên XHCN, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, góp phần bảo vệ công cuộc hòa bình ở Á Đông và trên thế giới".*

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Để thực hiện được thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây:

Một là, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Hai là, xây dựng nền QPTD và ANND vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Ba là, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

2.7.4. Kết luận

Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền QP-AN, xây dựng LLVTND và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Trong thời đại hiện nay, tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Vì vậy, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa

Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị. Việc nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình để góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nội dung đó trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

2.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.
- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.
- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

- Câu 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh.
- Câu 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội.
- Câu 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về .bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Câu 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Câu 5. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới.

2.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.

- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.
- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

Bài 3. XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẦN A: Ý ĐỊNH GIẢNG DẠY

3.1. Mục đích, yêu cầu

- Trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, quan điểm, nội dung, biện pháp xây dựng nền QPTD và nền ANND.

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia xây dựng nền QPTD, ANND bảo vệ Tổ quốc XHCN.

3.2. Nội dung, thời gian

3.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 9 mục, thực hiện trong 4 tiết.

- Vị trí, đặc trưng nền QPTD, ANND.

- Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Một số biện pháp chính xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay.

3.2.2. Trọng tâm

- Vị trí, đặc trưng, mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay.

- Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh.

3.3. Tổ chức, phương pháp

3.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.

- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

3.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm..., giới thiệu tài liệu học tập, tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.

- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến để cùng nhau trao đổi thảo luận.

3.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

3.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

3.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

3.7. Nội dung giảng dạy

3.7.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

3.7.1.1. Vị trí

- Một số khái niệm

+ Quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng mang tính chất "Vì dân, do dân, của dân", phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hòa bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm

lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ "Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường".

+ An ninh nhân dân:

"1. Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bộ phận của LLVTND Việt Nam có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh quốc gia có nhiệm vụ: Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân".

+ Nền an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

- Vị trí

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. *Đảng ta đã khẳng định: "Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng CNXH, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng - an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ"*

3.7.1.2. Đặc trưng

Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của ta có những đặc trưng:

- *Nền QPTD, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng*

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường XHCN với các nước khác. Chúng ta xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ XHCN và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

- *Đó là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành*

Đặc trưng vì dân, của dân, do dân của nền quốc phòng, an ninh nước ta là thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc trưng vì dân, của dân, do dân và mục đích tự vệ của nền quốc phòng, an ninh cho phép ta huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng đều thực hiện xây dựng nền quốc phòng, an ninh và đấu tranh quốc phòng, an ninh. Đồng thời, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân.

- *Đó là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành*

Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh nước ta tạo thành bởi rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh..., cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

- *Nền quốc phòng, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại*

Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, quân sự, an

ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng, an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân từng bước hiện đại. Kết hợp giữa xây dựng con người có giác ngộ chính trị, có tri thức với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Phát triển công nghiệp quốc phòng, từng bước trang bị hiện đại cho các LLVTND. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh.

- Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

Nền quốc phòng và nền an ninh nhân dân của chúng ta, được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giữa nền QPTD với nền ANND chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi ngành, mọi cấp.

3.7.2. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

3.7.2.1. Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay

- Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, VH-XH, KH-CN để giữ vững hòa bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

- Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp CNH-HĐH đất nước bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư

tưởng, VH-XH; Giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

3.7.2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay

- Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. *Từ đặc trưng của nền quốc phòng, an ninh ở nước ta thì lực lượng quốc phòng, an ninh của nền QPTD và ANND, bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.*

Lực lượng chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quần chúng nhân dân. LLVTND bao gồm quân đội nhân dân, dân quân tự vệ, công an nhân dân.

- Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và LLVTND đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

3.7.2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. *Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; Tiềm lực kinh tế; Tiềm lực khoa học, công nghệ; Tiềm lực quân sự, an ninh.* Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; Tiềm lực kinh tế; Tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

- Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

+ Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền QPTD, ANND là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước, ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các LLVTND sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống.

Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

+ Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền QPTD, ANND cần tập trung: Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với chế độ XHCN. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt GDQP-AN.

- Xây dựng tiềm lực kinh tế

+ Tiềm lực kinh tế của nền QPTD, ANND là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh.

Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

+ Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước. Do đó, cần tập trung vào: Đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển công nghiệp quốc phòng,

trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các LLVTND. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ

+ Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền QPTD và ANND là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở: Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh...

+ Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền QPTD, ANND là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

- Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh

+ Tiềm lực quân sự, an ninh của nền QPTD, ANND là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Do đó, xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng LLVTND vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình CNH-HĐH đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các LLVTND. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong LLVTND đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, NTQS trong CTND bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng GDQP-AN.

3.7.2.4. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững chắc

- Thế trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Nội dung xây dựng thế trận QPTD, ANND gồm: Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước. Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thế trận QPTD, ANND. Triển khai các lực lượng trong thế trận, tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

3.7.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay

3.7.3.1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng-an ninh

Thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị và Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về GDQP-AN. Nội dung GDQP-AN phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ XHCN, nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, âm mưu, thủ đoạn của

địch, đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng GDQP-AN.

3.7.3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền QPTD, ANND.

3.7.3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền QPTD, ANND.

Xây dựng nền QPTD, ANND là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, xã, phường, thị trấn triển khai.

3.7.4. Kết luận

Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH là thành tựu to lớn và rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, đã làm cho thế và lực đất nước ta mạnh lên rất nhiều tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.

Để bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN, yêu cầu khách quan là phải xây dựng nền QPTD vững mạnh, đây là chủ trương chiến lược, là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

3.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Vị trí, đặc trưng, mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.
- Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh.
- Một số biện pháp chính xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay.

3.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Vị trí, đặc trưng, mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay; Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh.

3.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

Câu 1. Nêu vị trí, đặc trưng, mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND.

Câu 2. Trình bày mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh.

Câu 3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững mạnh. Liên hệ trách nhiệm của bản thân về vấn đề này.

3.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.

- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.

- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

Bài 4. CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

4.1. Mục đích, yêu cầu

- Giới thiệu cho SV nắm được tính chất, đặc điểm, quan điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, làm cơ sở nghiên cứu nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới.

- Từ nhận thức trên, nêu cao tinh thần trách nhiệm của từng người, ra sức học tập và vận dụng sáng tạo quan điểm chỉ đạo của Đảng, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

4.2. Nội dung, thời gian

4.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 11 mục, thực hiện trong 4 tiết.

- Những vấn đề chung về CTND bảo vệ Tổ quốc.

- Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

- Một số nội dung chủ yếu trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

4.2.2. Trọng tâm

- Mục đích, đối tượng, tính chất, đặc điểm của CTND bảo vệ Tổ quốc.
- Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

4.3. Tổ chức, phương pháp

4.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.
- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

4.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm..., giới thiệu tài liệu học tập, tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.
- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến đề cùng nhau trao đổi thảo luận.

4.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

4.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

4.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

4.7. Nội dung giảng dạy

4.7.1. Những vấn đề chung về CTND bảo vệ Tổ quốc

4.7.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- Mục đích của chiến tranh nhân dân

+ Chiến tranh nhân dân Việt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực QP-AN, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta.

+ Nhằm mục đích: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”.

Mục đích chính trị nêu trên, biểu hiện cụ thể trong tình hình mới hiện nay là: Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới, biển đảo, chế độ XHCN, giữ vững mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh mà Đảng và nhân dân ta đang phấn đấu.

- Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

+ Đối tượng tác chiến

Trong xu thế hội nhập hiện nay, cần phải phân biệt rõ đâu là đối tượng tác chiến của ta và đâu là đối tác làm ăn với chúng ta.

Đối tượng tác chiến của chúng ta là bất kể kẻ nào có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng nước ta đều là đối tượng tác chiến của ta. Hiện nay, các thế lực thù địch đang thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng lực lượng vũ trang hành động quân sự can thiệp khi có thời cơ.

+ Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta

Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong. Đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận.

Lực lượng tham gia với quân đông, vũ khí trang bị hiện đại. Khi tiến công thường trong giai đoạn đầu sẽ bao vây, phong tỏa sau sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể đồng thời hỗ trợ bạo loạn lật đổ ở bên trong của các lực lượng phản động và sử dụng các biện pháp chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận.

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược địch có điểm mạnh, yếu sau:

Mạnh: Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể cấu kết với lực lượng phản động nội địa, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào.

Yếu: Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược, chắc chắn sẽ làm cho chúng bị tổn thất nặng nề, đánh bại xâm lược của địch. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

4.7.1.2. Tính chất, đặc điểm của CTND Việt Nam bảo vệ Tổ quốc.

- Tính chất

+ Là cuộc CTND toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.

+ Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại (hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự). *Nhưng trước tiên, đòi hỏi phải hiện đại về con người, con người phải nắm bắt được khoa học kỹ thuật và chỉ có làm chủ được khoa học kỹ thuật thì mới điều khiển, sử dụng được các loại vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại và mới biết được cách phòng tránh và đánh trả cuộc chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao.*

- Đặc điểm của chiến tranh nhân dân

Chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới có những đặc điểm cơ bản sau:

+ Trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do vậy, chúng ta có thể tập hợp, động viên và phát huy cao độ, đồng đảo được sức mạnh của toàn dân cả nước, chung sức đánh giặc.

+ Chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới phải chống chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch có tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh.

+ Trong cuộc chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN. Mặt khác, cuộc chiến tranh mang tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời cũng được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia và quốc tế, dân tộc và thời đại để đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

+ Chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới có sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước.

+ Chiến tranh diễn ra khàn trương, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch sẽ thực hiện phương châm chiến lược đánh nhanh giải quyết nhanh. Quy mô chiến tranh có thể lớn và ác liệt ngay từ đầu. Kết hợp tiến công hòa lực với tiến công trên bộ, tiến công từ bên ngoài kết hợp với bạo loạn lật đổ ở bên trong và bao vây phong tỏa đường không.

+ Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

4.7.2. Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc

Từ trong thực tiễn, Đảng ta nhận định: *Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ còn xảy ra nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Nếu đất nước phải đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược mới của kẻ thù, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm cơ bản của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.*

4.7.2.1. Tiến hành CTND, toàn dân đánh giặc lấy LLVTND làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

- **Vị trí:** Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

- **Nội dung thể hiện:**

+ Trong điều kiện mới, ta vẫn phải “Lấy nhỏ thắng lớn”, “Lấy ít địch nhiều”, để đánh thắng những đội quân mạnh hơn ta gấp nhiều lần, Đảng ta không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc...

+ Động viên toàn dân đánh giặc, chúng ta phải động viên và tổ chức quần chúng cùng LLVTND trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo...

+ Toàn dân đánh giặc phải có lực lượng nòng cốt là LLVTND, gồm ba thứ quân: dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. *Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước.*

+ Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta

nhiều lần. *Tổ tiên ta đã tiến hành CTND để đánh thắng các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược, cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.* Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới, phù hợp với điều kiện mới, thực hiện chiến tranh toàn dân đánh thắng cuộc tiến công xâm lược của địch.

- Biện pháp thực hiện:

+ Tăng cường giáo dục quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng.

+ Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đặc biệt là chất lượng chính trị.

+ Không ngừng nghiên cứu NTQS, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển NTQS lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc...

4.7.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- **Vị trí:** Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- Nội dung:

+ Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện cả sức mạnh vật chất tinh thần của quốc gia, nhưng chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân, đánh bại chiến tranh tổng lực của địch, chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận: Quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hóa tư tưởng. Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó.

+ Tất cả các mặt trận đấu tranh trên phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường và cùng với đấu tranh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh.

+ Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứng tỏ nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận quân sự, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc.

Tình hình thế giới ngày nay diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc, đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng nỗ lực phấn đấu làm thất bại âm mưu và các mục tiêu chiến lược của địch, giành thắng lợi toàn diện cho chiến tranh.

- Biện pháp thực hiện:

+ Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

+ Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt, luôn quán triệt lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định kết thúc chiến tranh.

4.7.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

- Kẻ thù xâm lược nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kỹ thuật cao, có tiềm lực kinh tế quân sự mạnh hơn ta nhiều lần. Chúng dựa vào sức mạnh quân sự ưu thế áp đảo đối với ta để thực hiện “Đánh nhanh, giải quyết nhanh” theo học thuyết tác chiến “Không - bộ - biển” nhằm đạt mục đích chiến tranh xâm lược.

- Vì vậy, trước hết ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi trong thời gian cần thiết. Trên cơ sở đó, mới dồn sức để rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt. Kiên quyết ngăn chặn địch

không cho chúng mở rộng để thu hẹp không gian của chiến tranh. Mặt khác, cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng

4.7.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

Đây là một kinh nghiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia, cũng như trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- Nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta phải tiến hành cuộc CTND bảo vệ Tổ quốc, cuộc chiến đó sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu. *Qui mô chiến tranh, thương vong về người, tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn, nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khẩn trương.* Muốn duy trì được sức mạnh để đánh thắng kẻ thù xâm lược, ta cần phải có tiềm lực kinh tế quân sự nhất định bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi.

- Vì vậy, trong chiến tranh ta phải: Vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân. Phải thực hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh, lấy của địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

4.7.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự ATXH, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

- Hiện nay kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta. *Nếu chiến tranh nổ ra, địch sẽ tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp: Tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, lợi dụng dân tộc, tôn giáo, các tổ chức phản động chống đối để kích động, chia rẽ, làm mất ổn định chính trị, gây rối loạn lật đổ ở hậu phương ta để phối hợp lực lượng tiến công từ ngoài vào.*

- Vì vậy, đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương, bảo đảm an ninh chính trị,

giữ gìn trật tự ATXH, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

4.7.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối.

- Đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

4.7.3. Một số nội dung chủ yếu của CTND bảo vệ Tổ quốc

4.7.3.1. Tổ chức thế trận CTND

- Thế trận CTND là sự tổ chức bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

- Thế trận chiến tranh bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, có khả năng độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch, liên tục dài ngày, liên kết thành thế trận làng nước.

4.7.3.2. Tổ chức lực lượng CTND

- Lực lượng CTND là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện lấy LLVTND gồm 3 thứ quân làm nòng cốt.

- Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự.

- LLVTND được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

4.7.3.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong

- Kẻ thù xâm lược nước ta có thể sẽ sử dụng lực lượng tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ ở bên trong, đánh nhanh giải quyết nhanh, vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch cấu kết với nhau..

- Trong quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người, kết hợp giải quyết tốt các tình huống chiến đấu diễn ra.

4.7.4. Kết luận

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, vẫn phải "Lấy ít đánh nhiều", "Lấy nhỏ đánh lớn", chống lại kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn hơn ta nhiều lần. Con đường đi đến thắng lợi của nhân dân ta vẫn phải tiến hành CTND, toàn dân, toàn diện, đánh địch bằng cả quân sự, chính trị, ngoại giao..., bằng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, đánh địch trên mọi địa bàn, mọi địa hình của đất nước ta.

Từ tính chất và đặc điểm của chiến tranh hiện nay, chúng ta phải nắm vững và vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản của Đảng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, để xây dựng phát triển NTQS Việt Nam. Trước mắt mỗi sinh viên phải gắng sức học tập tốt, góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

4.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Những vấn đề chung về CTND bảo vệ Tổ quốc.
- Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc.
- Một số nội dung chủ yếu trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

4.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Mục đích, đối tượng, tính chất, đặc điểm của CTND bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

4.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

- Câu 1. Mục đích, tính chất, đặc điểm của CTND bảo vệ Tổ quốc.
- Câu 2. Quan điểm của Đảng về CTND bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Câu 3. Tại sao phải tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện?

4.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.
- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.
- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

Bài 5. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

5.1. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm bồi dưỡng cho sinh viên nắm được đặc điểm, quan điểm, nguyên tắc và phương hướng xây dựng LLVTND.

- Trên cơ sở nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực góp phần vào xây dựng LLVTND vững mạnh toàn diện.

5.2. Nội dung, thời gian

5.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 6 mục, thực hiện trong 4 tiết.

- Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.
- Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới.
- Những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVTND.

5.2.2. Trọng tâm

- Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND trong thời kỳ mới.
- Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới.

5.3. Tổ chức, phương pháp

5.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.
- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

5.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm..., giới thiệu tài liệu học tập, tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.

- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung

trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến đề cùng nhau trao đổi thảo luận.

5.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

5.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

5.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

5.7. Nội dung giảng dạy

5.7.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

5.7.1.1. Khái niệm

- LLVTND là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý, có nhiệm vụ "Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ ANQG và trật tự ATXH, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước. Là lực lượng xung kích trong khởi nghĩa toàn dân giành chính quyền, là lực lượng nòng cốt của QPTD và CTND".

Nội dung chủ yếu của khái niệm

- Là tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước XHCN Việt Nam quản lý.

- Nhiệm vụ:

+ Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Bảo vệ ANQG, trật tự ATXH, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả cách mạng...

+ Cùng toàn dân xây dựng đất nước.

+ Là lực lượng nòng cốt trong khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng nền QPTD, ANND và CTND.

5.7.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng LLVTND

- Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt

+ Đất nước đã hòa bình thống nhất, đi lên CNXH với hai nhiệm vụ chiến lược, đây là điều kiện thuận lợi cho xây dựng LLVTND. Hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau, để cùng thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Do đó, trong khi chúng ta đặt nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng CNXH, không được lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược "Diễn biến hòa bình" chống phá cách mạng.

Đây là một khó khăn lớn trong xây dựng LLVTND, vì chiến lược "Diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc, xác định chống phá ta về mọi mặt, trong đó LLVTND là một trọng điểm, với mục tiêu là vô hiệu hóa, phi chính trị hóa LLVTND. Do đó, cần phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn chiến lược "Diễn biến hòa bình" của địch để có kế hoạch phòng ngừa, bảo đảm xây dựng LLVTND vững mạnh về mọi mặt.

- Xây dựng LLVTND trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp

+ Tình hình thế giới: Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô sụp đổ, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Nhưng trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Tuy vậy, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, chạy đua vũ trang (nhất là vũ khí hạt nhân), hoạt động khủng bố, tranh chấp biên giới, tài nguyên vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

+ Khu vực Đông Nam Á, vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, các nước lớn đang tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN.

- Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn

+ *Thuận lợi cơ bản:* Tiềm lực và vị thế của nước ta được tăng cường, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân. Trên cơ sở phát huy những thuận lợi của nước ta trong Hiệp hội ASEAN, thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới để giữ vững môi trường hòa bình và phát triển kinh tế theo định hướng XHCN... Đó là nền tảng vững chắc để xây dựng LLVTND.

+ *Thách thức lớn:* Nước ta vẫn tồn tại những thách thức lớn, được Đại hội Đảng lần thứ X đề cập: Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng, những biểu hiện xa rời mục tiêu XHCN, các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Hiện nay và trong những năm tới, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề phải giải quyết, trong đó có mâu thuẫn chủ yếu là: Nhu cầu phải đầu tư cho quốc phòng - an ninh, cho xây dựng LLVTND ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách của Nhà nước là rất hạn hẹp.

- Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta

Trong những năm qua, LLVTND đã có bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên. Đã hoàn thành tốt cả ba chức năng, xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp mà Đảng, Nhà nước giao cho. Song, trên thực tế cần tập trung tháo gỡ một số vấn đề sau:

+ Về chất lượng chính trị: Trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sĩ chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN.

+ Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của LLVTND còn những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

+ Về trình độ chính quy của quân đội và công an chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại và chưa tương xứng với công tác xây dựng. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận còn chuyển biến chậm, vẫn để xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

+ Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

+ Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn...

5.7.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND trong thời kỳ mới

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với LLVTND

+ Ý nghĩa: Đây là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng LLVTND. Sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của LLVTND, bảo đảm nắm chắc quân đội và công an trong mọi tình huống.

+ Nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam độc tôn duy nhất nắm quyền lãnh đạo LLVTND theo nguyên tắc "Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt", Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, lãnh đạo mọi hoạt động của lực lượng vũ trang.

Đảng lãnh đạo mọi hoạt động của LLVTND trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức..., cả trong xây dựng và chiến đấu.

- *Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang*

+ Cơ sở: Từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng và giữ nước của dân tộc ta. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang và thực tiễn xây dựng LLVTND Việt Nam trong mấy chục năm qua.

+ Nội dung: Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về KH-CN để xây dựng và phát triển LLVTND. Tập trung từng bước hiện đại hóa trang bị kỹ thuật, quản lý khai thác bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có...

Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

- *Xây dựng LLVTND lấy chất lượng là chính, xây dựng chính trị làm cơ sở*

+ Cơ sở: Xuất phát từ lý luận Mác-Lênin về mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang của ông cha ta "Bình quý hồ tinh, bất quý hồ đa". Từ đòi hỏi yêu cầu cao của nhiệm vụ đối với LLVTND.

Từ thực tiễn xây dựng LLVTND, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng chất lượng, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở... Do đó, LLVTND luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao cho...

Từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hóa quân đội, công an.

+ Nội dung: Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng.

Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên.

Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Xây dựng LLVTND có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong LLVTND tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tin tưởng tuyệt đối, tự giác chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương chính sách pháp luật.

Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong LLVTND (*tổ chức đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân...*). Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đủ sức lãnh đạo đơn vị.

- Bảo đảm LLVTND luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

+ Cơ sở: Đây là quan điểm phản ánh chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của LLVTND, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho LLVTND chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi trong mọi tình huống có thể xảy ra.

+ Nội dung: LLVTND phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự ATXH, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

Xây dựng LLVTND vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy...

5.7.2. Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới

Phương hướng chung: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc xác định: "Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Với tổ chức, biên chế, mức tăng đầu tư ngân sách hợp lý,

đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Đây là cơ sở để xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang.

Đối với quân đội, công an phải tiếp tục đẩy mạnh "Xây dựng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại".

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.

Xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Trong quá trình thực hiện phải quán triệt đầy đủ tinh thần các Nghị quyết của Đảng về tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới.

5.7.2.1. Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

- **Xây dựng quân đội cách mạng:** Đây là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng.

Nội dung:

+ Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, công an, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân.

+ Chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

+ Kiên định mục tiêu lý tưởng XHCN, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

+ Trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai.

+ Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt.

+ Kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi...

- **Chính quy:** Là thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị).

Dựa trên những chế độ, điều lệnh quy định, đưa mọi hoạt động của quân đội, công an vào nề nếp. Nhằm thống nhất ý chí và hành động về chính trị, tư tưởng và tổ chức của của quân đội, công an để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp.

Nội dung:

+ Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, công an, về tổ chức biên chế trang bị.

+ Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, NTQS, về phương pháp huấn luyện giáo dục.

+ Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lý bộ đội, công an, quản lý trang bị.

- **Tinh nhuệ:** Biểu hiện mọi hoạt động của quân đội, công an trên các lĩnh vực đạt hiệu quả cao.

Nội dung: Được xây dựng toàn diện trên mọi lĩnh vực chính trị, tổ chức,...

+ Tinh nhuệ về chính trị: Đứng trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai rồi có thái độ đúng đắn với sự việc đó.

+ Tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật. Giỏi vận động nhân dân và bảo vệ nhân dân.

- **Từng bước hiện đại:** Đi đôi với chính quy, tinh nhuệ phải tiếp tục từng bước hiện đại hóa quân đội về trang bị, vũ khí. Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, công an.

Nội dung: Từng bước đổi mới vũ khí, trang bị kỹ thuật cho quân đội.

+ Xây dựng rèn luyện cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại. Phát triển các quân binh chủng kỹ thuật, có nghệ thuật quân sự hiện đại, khoa học quân sự hiện đại, có hệ thống công nghiệp quốc phòng hiện đại, có kỹ thuật nghiệp vụ an ninh tiên tiến, bảo đảm cho quân đội, công an hoạt động trong mọi điều kiện, tình huống.

+ *Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi "Từng bước" nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước. Quá trình hiện đại hóa quân đội, công*

an phải gắn với quá trình CNH-HĐH đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới, kết hợp phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số vũ khí cần thiết.

5.7.2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.

5.7.2.3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

Bác Hồ nói: Dân quân tự vệ và du kích là một lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ đụng đến lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã.

Nội dung: Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả thôn, xóm, bản làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, nhưng có trọng điểm, chú ý có hình thức phù hợp trong các thành phần kinh tế.

Chú trọng xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính, tổ chức biên chế phải phù hợp. Huấn luyện phải thiết thực, hiệu quả.

Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện tốt các chính sách đối với dân quân tự vệ.

5.7.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới

- Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động, sức chiến đấu cao. Có số lượng phù hợp, chất lượng tốt, phù hợp với từng địa phương, khu vực và thể trận cả nước.

- Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự, khoa học công an.

- Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của LLVTND.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ LLVTND có phẩm chất, năng lực tốt.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, nhà nước đối với LLVTND.

5.7.4. Kết luận

Xây dựng Tổ quốc Việt nam XHCN là mục tiêu, lý tưởng của toàn Đảng toàn dân, toàn quân ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn luôn gắn với bảo vệ Tổ quốc XHCN. Xây dựng LLVTND ta vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay, chúng ta phải có các bước phát triển mới để làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Vì thế, xây dựng LLVTND là một nội dung cơ bản trong đường lối quốc phòng, đường lối quân sự của Đảng ta, nhất là trong tình hình quốc tế, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp..., đã và đang đặt ra những yêu cầu mới cao hơn.

Sinh viên là lực lượng trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước đang được Đảng và Nhà nước giáo dục đào tạo thành những cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ, trí thức XHCN. Do vậy, sinh viên đang học tập trong các nhà trường, ngoài nội dung học tập chuyên môn, chuyên ngành, rèn luyện nâng cao đạo đức thể chất, còn cần phải tích cực tham gia công tác phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, tích cực tham gia vào các hoạt động quốc phòng, an ninh. Sẵn sàng tham gia LLVTND khi Tổ quốc cần.

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

5.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.
- Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới.
- Những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVTND.

5.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND trong thời kỳ mới. Phương hướng xây dựng LLVTND trong giai đoạn mới.

5.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

- Câu 1. Nêu khái niệm lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
- Câu 2. Nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
- Câu 3. Phương hướng xây dựng quân đội, công an nhân dân trong tình hình hiện nay.

5.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.
- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.
- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

Bài 6. KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

6.1. Mục đích, yêu cầu

- Giới thiệu để sinh viên nắm vững tính tất yếu khách quan, nội dung cơ bản và những giải pháp của việc kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở nước ta hiện nay.

- Trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn học tập, công tác, tích cực góp phần vào tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

6.2. Nội dung, thời gian

6.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 11 mục, thực hiện trong 4 tiết.

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam.

- Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

- Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố QP-AN ở Việt Nam hiện nay.

6.2.2. Trọng tâm

- Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

- Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố QP-AN ở Việt Nam hiện nay.

6.3. Tổ chức, phương pháp

6.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.

- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

6.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm..., giới thiệu tài liệu học tập, tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.

- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến đề cùng nhau trao đổi thảo luận.

6.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

6.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

6.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

6.7. Nội dung giảng dạy

6.7.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam

- Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, quân sự, văn

hóa, xã hội..., nhằm mục đích bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước.

- An ninh, trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm để đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của toàn xã hội. Bảo vệ an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của cả hệ thống chính trị do lực lượng an ninh làm nòng cốt, bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

- Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở nước ta là ***hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động KT-XH, QP-AN trong một chỉnh thể thống nhất trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.***

- Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong một chỉnh thể thống nhất. Quan điểm trên là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, có cơ sở lý luận và thực tiễn.

6.7.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

- Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. *Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau.* Trong đó, kinh tế là yếu tố quyết định đến QP-AN; Ngược lại, QP-AN cũng có tác động tích cực trở lại với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh. Lợi ích kinh tế, suy đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động quốc phòng, an ninh.

- Bản chất của chế độ KT-XH quyết định đến bản chất của QP-AN. *Xây dựng sức mạnh quốc phòng, an ninh vì mục đích bảo vệ và đem lại lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội là do bản chất của chế độ xã hội XHCN quy định, còn tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh vì mục đích bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản cầm quyền, thực hiện chiến tranh xâm lược là do bản chất của chế độ KT-XH tư bản chủ nghĩa quyết định.*

- Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động QP-AN. *Ph. Ăngghen đã khẳng định: "Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội"; "Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...".* Vì vậy, để xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh phải xây dựng, phát triển kinh tế.

- Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang, quyết định đến đường lối chiến lược QP-AN. *Để xây dựng chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia của mỗi nước, phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang và trang bị vũ khí kỹ thuật hiện có là căn cứ đặc biệt quan trọng, những yếu tố này đều phụ thuộc vào nền kinh tế.*

- QP-AN không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn tác động trở lại với KT-XH trên cả góc độ tích cực và tiêu cực. QP-AN vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH. *Quá trình thực hiện nhiệm vụ QP-AN trong thời bình, ở mức độ nhất định cũng có tác dụng kích thích kinh tế phát triển. Tiêu dùng cho hoạt động QP-AN, một mặt, đặt ra cho nền kinh tế phải sản xuất ra sản phẩm hoặc thông qua mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nó, mặt khác sẽ tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.*

- Hoạt động QP-AN tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động QP-AN còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động QP-AN còn có thể dẫn đến hủy hoại môi trường sinh

thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra. Để hạn chế những tác động tiêu cực này, phải kết hợp tốt tăng cường củng cố QP-AN với phát triển KT-XH vào một chỉnh thể thống nhất.

- Từ sự phân tích trên đây cho thấy, **kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN là một tất yếu khách quan**. Mỗi lĩnh vực hoạt động có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ mỗi lĩnh vực có quy luật phát triển đặc thù, do đó, việc kết hợp phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lý, cân đối và hài hòa.

6.7.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

- *Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ, kinh tế phát triển hay chưa phát triển, dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa có chiến tranh.*

- *Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.*

- Ở Việt Nam, sự kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN đã có lịch sử lâu dài. Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc ta.

Đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược và thôn tính của các thế lực thù địch, để xây dựng và phát triển đất nước, ông cha ta đã có những chủ trương, kế sách thực hiện sự kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các triều đại phong kiến Việt Nam luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: "Nước lấy dân làm gốc", "Dân giàu, nước mạnh", "Quốc phú binh cường", thực hiện "Khoan thư sức dân làm kế

sâu rễ bền gốc", chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để "Yên dân" mà "Vạn dân". Thực hiện kế sách "Ngụ binh ư nông", "Động vi binh, tĩnh vi dân" để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

- Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN một cách nhất quán bằng những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", "Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm", vừa thực hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp, "Xây dựng làng kháng chiến", địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP-AN đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp. Ở thời kỳ này, chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc XHCN và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP-AN được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kỳ sau.

- Thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay) kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn.

- Từ năm 1986 đến nay, với tư duy mới về kinh tế và quốc phòng, an ninh, việc kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

- Nhờ chính sách nhất quán về thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN, chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng, thế trận quốc phòng. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã đồng viên được "Cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc", kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Do vậy, đã góp phần giữ gìn và phát triển đất nước cho đến ngày nay.

6.7.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay

6.7.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

- Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của quốc gia.

- *Mục tiêu và phương hướng tổng quát phát triển KT-XH nước ta từ năm 2006 - 2010 là "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho CNH-HĐH đất nước, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tăng cường QP-AN, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".*

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển KT-XH đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, tăng cường QP-AN và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hòa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Sự kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong chiến lược phát triển kinh tế được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh sẽ phát huy sức mạnh của từng lĩnh vực, kết hợp với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp,

quy tụ mọi nguồn lực, lực lượng trong nước và quốc tế nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu của chiến lược phát triển KT-XH đến năm 2020.

6.7.2.2. Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong phát triển các vùng lãnh thổ

- Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN theo vùng lãnh thổ là sự gắn kết chặt chẽ phát triển vùng kinh tế chiến lược, với xây dựng vùng chiến lược QP-AN, nhằm tạo ra thế bố trí chiến lược mới cả về kinh tế lẫn QP-AN trên từng vùng lãnh thổ, trên địa bàn tỉnh, thành phố, theo ý đồ phòng thủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam bền vững trên toàn cục và mạnh ở từng trọng điểm.

- Các vùng chiến lược khác nhau có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, nên nội dung kết hợp cụ thể trong mỗi vùng có sự khác nhau. Song, việc kết hợp phát triển KT-XH với QP-AN ở các vùng lãnh thổ, cũng như ở địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

+ **Một là**, kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH với QP-AN của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

+ **Hai là**, kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã (phường) chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh (thành phố), huyện (quận).

+ **Ba là**, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng QP-AN trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH và kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng quốc phòng, an ninh để bảo vệ cơ sở, bảo vệ Tổ quốc.

+ **Bốn là**, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính "Lưỡng dụng" trong mỗi công trình được xây dựng.

+ **Năm là**, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương để sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

- Trên cơ sở kết hợp quan điểm toàn cục nói trên, xuất phát từ sự phân tích đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa lý, chính trị, quân sự, quốc phòng, an ninh của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các **vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng biên giới**.

+ **Đối với các vùng kinh tế trọng điểm**

Hiện nay, nước ta xác định 3 vùng kinh tế trọng điểm: Phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh); Phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu); Miền Trung (Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Dung Quất-Quảng Ngãi). Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là nòng cốt cho phát triển kinh tế của từng miền và cho cả nước.

Về kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hóa cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ...

Về QP-AN, mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ, *đồng thời cũng là nơi nằm trên các hướng có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch, hoặc đã và đang là địa bàn trọng điểm để địch thực hiện chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ với nước ta*. Vì vậy, phải thực hiện thật tốt phát triển kinh tế gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các vùng này.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh

chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hỏa lực của địch khi có chiến tranh.

- Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền QPTD. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự... Về lâu dài, ở các thành phố, đô thị, các khu kinh tế tập trung, cần có quy hoạch từng bước xây dựng hệ thống "Công trình ngầm lưỡng dụng". Phải bảo vệ, bảo tồn các địa hình, địa vật, các khu vực có giá trị về phòng thủ, khi bố trí các cơ sở sản xuất, các công trình kinh tế, phê duyệt dự án đầu tư nước ngoài. *Khắc phục tình trạng chỉ chú ý quan tâm đến lợi thế, hiệu quả kinh tế trước mắt mà quên đi nhiệm vụ QP-AN và ngược lại khi bố trí các khu vực phòng thủ, các công trình quốc phòng, chỉ chú ý đến các yếu tố bảo đảm quốc phòng, an ninh mà không tính đến đến lợi ích kinh tế.*

- Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng QP-AN, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất.

- Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

+ Đối với vùng núi biên giới

Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/1km²), kinh tế kém phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn.

Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. *Hiện nay, khu vực này vẫn còn không ít khó khăn, yếu kém về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh dễ bị kẻ thù lợi dụng để lôi kéo, kích động đồng bào, thực hiện âm mưu chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, nhiều nơi tình hình rất phức tạp.* Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh ở vùng núi biên giới là cực kỳ quan trọng.

Việc kết hợp cần tập trung vào các nội dung sau:

- Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.
- Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới.
- Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và QP-AN. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế.
- Thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo, chương trình về phát triển KT-XH đối với các xã nghèo.
- Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng giải quyết.
- Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng hoặc các khu quốc phòng - kinh tế, nhằm tạo thế và lực mới cho phát triển KT-XH và tăng cường sức mạnh QP-AN.

+ Đối với vùng biển đảo

Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km² (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Vùng biển đảo nước ta có nhiều tiềm năng về hải sản và khoáng sản, là cửa ngõ thông thương giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, có khả năng phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước trong tương lai. *Tuy nhiên, việc khai*

thác lợi thế đó của ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt vùng biển đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe dọa chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. Trong khi đó, chúng ta lại chưa có chiến lược tổng thể hoàn chỉnh về phát triển kinh tế biển và bảo vệ biển, đảo. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng, nhằm nhanh chóng tạo ra thế và lực đủ sức bảo vệ, làm chủ toàn diện vùng biển, đảo, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế biển phát triển nhanh làm giàu cho Tổ quốc.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Tập trung trước hết vào xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng thế trận QP-AN bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới, làm cơ sở cho việc thực hiện kết hợp KT-XH với QP-AN một cách cơ bản, toàn diện, lâu dài.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch từng bước đưa dân ra vùng ven biển và các tuyến đảo gần trước, để có lực lượng xây dựng căn cứ hậu phương, bám trụ phát triển kinh tế và bảo vệ biển, đảo một cách vững chắc, lâu dài.

- Nhà nước phải có cơ chế chính sách thỏa đáng động viên, khích lệ dân ra đảo bám trụ làm ăn lâu dài.

- Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống, làm ăn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta với các nước phát triển. Qua đó, vừa thể hiện chủ quyền của nước ta, vừa hạn chế âm mưu lấn chiếm biển đảo của các thế lực thù địch, tạo thế và lực để giải quyết hòa bình các tranh chấp trên biển, đảo.

- Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ, qua đó xây dựng lực lượng dân quân biển, các hải đoàn tự vệ của ngành Hàng hải, Cảnh sát biển, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm chủ quyền biển, đảo của nước ta... Xây dựng một số đơn vị kinh tế - quốc phòng mạnh trên biển, đảo để làm nòng cốt cho phát triển kinh tế biển và tạo thế bảo vệ biển, đảo vững chắc.

- Xây dựng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra ở vùng biển, đảo nước ta. Mạnh dạn đầu tư xây dựng lực lượng nòng cốt và thế trận phòng thủ trên biển, đảo, trước hết là phát triển và hiện đại hóa lực lượng Hải Quân nhân dân Việt Nam để đủ sức mạnh canh giữ, bảo vệ vùng biển, đảo.

6.7.2.3. Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

Một là, kết hợp trong công nghiệp

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và cho chính nó cũng như cho công nghiệp quốc phòng, sản xuất sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, phục vụ xuất khẩu, sản xuất ra vũ khí, trang thiết bị quân sự đáp ứng nhu cầu của hoạt động QP-AN.

Nội dung kết hợp phát triển KT-XH với QP-AN và đối ngoại trong phát triển công nghiệp là:

- Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp. Bố trí một cách hợp lý trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng như cơ khí chế tạo, điện tử, công nghiệp, điện tử kỹ thuật cao, luyện kim, hóa chất, đóng tàu để vừa đáp ứng nhu cầu trang bị cơ giới cho nền kinh tế, vừa có thể sản xuất ra một số sản phẩm kỹ thuật công nghệ cao phục vụ QP-AN.

- Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa có thể sản xuất hàng dân dụng, vừa có thể sản xuất hàng quân sự. Kết hợp trong đầu tư nghiên cứu, sáng chế, chế tạo, sản xuất các mặt hàng có tính lưỡng dụng cao trong các nhà máy và ở một số cơ sở công nghiệp nặng.

- Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình, ngoài việc sản xuất ra hàng quân sự phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, trong đó tập trung vào một số ngành như cơ khí luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, hóa dầu.

- Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

- Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều, từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại.

- Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến.

- Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến, thực hiện dự trữ chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất quân sự.

Hai là, kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp

Hiện nay nước ta vẫn còn hơn 70% dân số ở nông thôn và làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn lực lượng, của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP-AN trong các lĩnh vực này cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng các ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho QP-AN.

- Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới văn minh và hiện đại. Bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, "Thế trận lòng dân" vững chắc.

- Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các đội tàu thuyền đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân

biển, đảo; Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

- Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Ba là, kết hợp trong giao thông vận tải, bưu điện, y tế, KH-CN, giáo dục và xây dựng cơ bản

Trong giao thông vận tải

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường thủy, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa trong nước và mở rộng giao lưu với bên ngoài.

- Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến trục đường Bắc-Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này, phải phát triển các tuyến đường ngang, nối liền giữa các tuyến trục dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới.

- Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. *Ở những đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động sẵn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.*

- Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc-Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

- Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

- Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay dã chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cho máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

- Trong một số tuyến đường xuyên Á, sau này được xây dựng qua Việt Nam, ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

- Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.

Trong bưu chính viễn thông

- Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến.

- Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống.

- Các phương tiện thông tin liên lạc và điện tử cần phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng chống chiến tranh thông tin điện tử của địch.

- Khi hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử cần cảnh giác cao, lựa chọn đối tác, có phương án chống âm mưu phá hoại của địch.

- Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến.

Trong xây dựng cơ bản

Đây là lĩnh vực sẽ có nhiều phát triển cả quy mô và trình độ trong quá trình CNH-HĐH đất nước, cho nên việc thực hiện kết hợp trong ngành xây dựng phải được tiến hành ngay từ đầu, từ khảo sát điều tra, thiết kế, quy hoạch dự án đầu tư đến thi công xây dựng.

- Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyên hóa phục vụ được cả cho QP-AN, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự.

- Khi xây dựng các thành phố đô thị, phải gắn với các khu vực phòng thủ địa phương, phải xây dựng các công trình ngầm.

- Khi xây dựng các khu công nghiệp tập trung, các nhà máy, xí nghiệp lớn, quan trọng đều phải tính đến khả năng bảo vệ và di dời khi cần thiết. Hạn chế xâm phạm các địa hình có giá trị về phòng thủ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cần kết hợp trong nghiên cứu sáng chế, chế tạo những vật liệu siêu bền, có khả năng chống xuyên, chống mặn, chống bức xạ, dễ vận chuyển phục vụ xây dựng các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang và của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

- Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho các đối tác nước ngoài, phải có sự tham gia ý kiến của cơ quan quân sự có thẩm quyền.

Trong khoa học và công nghệ, giáo dục

Đây là lĩnh vực đóng vai trò là nền tảng, động lực, là quốc sách hàng đầu đối với sự phát triển của quốc gia. Vì vậy, sự kết hợp là tất yếu, là vấn đề cơ bản lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào:

- Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành KH-CN then chốt của cả nước với các ngành khoa học của QP-AN trong hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng, phục vụ cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm vừa phục vụ cho nhu cầu CNH-HĐH đất nước, vừa phục vụ nhu cầu QP-AN, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, có chính sách đầu tư thỏa đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học quân sự, khoa học xã hội nhân văn quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự.

- Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng cả sự nghiệp xây dựng phát triển KT-XH, QP-AN. Thực hiện có hiệu quả công tác GDQP-AN cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong lĩnh vực y tế

- Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh cho nhân dân, bộ đội và cho người nước ngoài.

- Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự khi có chiến tranh xảy ra.

- Phát huy vai trò của y tế quân sự trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân dân thời bình và thời chiến.

6.7.2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong bảo vệ Tổ quốc là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Nội dung kết hợp cần chú ý:

- Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển KT-XH. Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên các địa bàn miền núi biên giới, giúp đỡ nhân dân địa phương ổn định sản xuất, đời sống, phát triển KT-XH, củng cố QP-AN trên địa bàn. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hóa dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu.

- Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

6.7.2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

Mục tiêu chung của mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế là giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tận dụng ngoại lực, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc và ANQG, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Sự phối hợp giữa hoạt động đối ngoại với kinh tế, quốc phòng, an ninh là một trong những nội dung cơ bản của chủ trương đối ngoại trong thời kỳ mới. Đó là sự cụ thể hóa quan điểm kết hợp giữa phát triển KT-XH và giữ vững ANQG trong xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, quốc phòng, quân sự của nước ta với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực phải hướng vào việc phục vụ cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời phải giữ vững nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong mở rộng quan hệ đối ngoại.

Nội dung kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực đối ngoại cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.

- Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải kết hợp từ khâu lựa chọn đối tác. Phải lựa chọn được đối tác có ưu thế chế ngự cạnh tranh với các thế lực mạnh bên ngoài, làm hạn chế sự chống phá của các thế lực thù địch.

- Kết hợp trong việc phân bổ đầu tư vào ngành nào, địa bàn nào có lợi cho phát triển kinh tế, bảo đảm QP-AN của quốc gia.

- Kết hợp trong xây dựng và quản lý các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế liên doanh, liên kết đầu tư với nước ngoài, bảo vệ chủ quyền an ninh đất nước, chú trọng xây dựng các đoàn hội, lực lượng tự vệ theo quy định của luật pháp. *Đồng thời, bồi dưỡng ý thức tự tôn dân tộc, tinh thần cảnh giác đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền, ANQG cho người Việt Nam làm việc trong các cơ sở đối ngoại và kinh tế đối ngoại.*

- Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên ngoại giao của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá hàng hóa, truyền thông Việt Nam, đồng thời nắm vững đường lối đối ngoại, quân sự của nước ngoài cung cấp tình hình giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn.

6.7.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP-AN ở Việt Nam hiện nay

6.7.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước, của chính quyền các cấp trong kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc kết hợp được thể hiện:

- Nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, các Bộ, ngành, địa phương kịp thời đề ra những chỉ đạo thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN một cách đúng đắn.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, trong thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN.

- Tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực tiễn thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường, củng cố QP-AN phải:

- Từng cấp phải làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP-AN ở ngành, bộ, địa phương cơ sở, dài hạn và hàng năm.

- Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực hiện, kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở ngành, địa phương mình.

6.7.3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN cho các đối tượng

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu và đang là đòi hỏi cấp thiết đối với cán bộ và nhân dân cả nước ta hiện nay.

- *Đối tượng bồi dưỡng*: Phải phổ cập kiến thức QP-AN cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

- *Nội dung bồi dưỡng*: Phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực nhằm nâng cao cả kiến thức, kinh nghiệm và năng lực thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng và quần chúng nhân dân.

- *Hình thức bồi dưỡng*: Phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành. Thông qua sinh hoạt chính trị, qua các cuộc diễn tập thực nghiệm, thực tế ở các bộ, ngành, địa phương cơ sở để nâng cao hoàn thiện sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân về kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong tình hình mới.

6.7.3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong thời kỳ mới

- Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố QP-AN đến năm 2020.

- Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN và đối ngoại trong thời kỳ mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực (cả bên trong và bên ngoài). Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như: Chính sách khai thác các nguồn lực, chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư, chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư, chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ...

6.7.3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN trong tình hình mới

- Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN đều phải được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, nghị định..., một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

- Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN, nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

- Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN cần được xây dựng theo quan điểm QPTD, ANND. Việc phân bổ ngân sách đầu tư cho kết hợp phát triển KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP-AN phải theo hướng tập trung cho những mục tiêu chủ yếu, những công trình có tính lưỡng dụng cao đáp ứng cả cho trước mắt cũng như lâu dài.

- Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có hiệu quả cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ mới.

6.7.3.5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp

- Kết hợp chặt chẽ giữa chân chính, kiên toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực là trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP-AN ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

6.7.4. Kết luận

- *Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN là một tất yếu khách quan, một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

- *Việc kết hợp được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và có sự phối hợp của các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho việc phát triển KT-XH, củng cố QP-AN.*

- *Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân, nhất là cho sinh viên - những người quyết định tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.*

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

6.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam.

- Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

- Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố QP-AN ở Việt Nam hiện nay.

6.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Nội dung và một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay.

6.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

Câu 1. Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở nước ta hiện nay.

Câu 2. Nội dung, phương thức kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở nước ta hiện nay.

Câu 3. Trình bày các giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP-AN ở Việt Nam hiện nay.

6.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.
- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.
- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

Bài 7. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

7.1. Mục đích, yêu cầu

- Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên, nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

- Xây dựng niềm tin và lòng tự hào dân tộc, phát huy tinh thần thượng võ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

7.2. Nội dung, thời gian

7.2.1. Nội dung: Gồm 3 phần, 11 mục, thực hiện trong 6 tiết.

- Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.
- Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về NTQS vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.

7.2.2. Trọng tâm

- Nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

7.3. Tổ chức, phương pháp

7.3.1. Tổ chức

- Lên lớp lý thuyết tập trung.
- Thảo luận nhóm (theo tổ hoặc ghép tổ).

7.3.2. Phương pháp

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tham quan viện bảo tàng lịch sử quân đội..., giới thiệu tài liệu học tập, tham khảo, kiểm tra, đánh giá nhận thức.

- Đối với sinh viên: Nghiên cứu trước tài liệu về nội dung bài học, ghi chép bổ sung đầy đủ nội dung giảng viên phân tích trình bày, tự tóm tắt ghi chép các nội dung trọng tâm. Giờ thảo luận, cần chuẩn bị đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của giảng viên, mạnh dạn trình bày ý kiến quan điểm của mình (kể cả ý đúng, sai), có thể nêu ý kiến để cùng nhau trao đổi thảo luận.

7.4. Địa điểm, vật chất đảm bảo

- Giảng đường dạy lý thuyết.
- Giáo án lên lớp (soạn theo powerpoint), máy và màn hình trình chiếu, sổ ghi đầu bài, bảng đen, phấn viết.
- Tài liệu bài giảng (Giáo trình GDQP-AN, dùng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng, tập 1, NXBGD).

7.5. Công tác chuẩn bị

- Nghiên cứu, thực luyện kỹ giáo án, các tài liệu, tranh ảnh hình vẽ cần tham khảo, kiểm tra các phương tiện phục vụ giờ dạy.

PHẦN B: THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

7.6. Phổ biến ý định giảng dạy

- Giảng viên phổ biến ý định giảng dạy theo các nội dung sau: Nêu tên bài giảng, mục đích, yêu cầu, nội dung thời gian học, tổ chức, phương pháp, tài liệu học tập và tham khảo.

7.7. Nội dung giảng dạy

7.7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

7.7.1.1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

- Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các Vua Hùng mở nước Văn Lang, lịch sử dân tộc Việt Nam bắt đầu thời đại dựng nước và giữ nước. Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của nước ta, có lãnh thổ khá rộng và vị trí địa lý quan trọng, bao gồm vùng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ ngày nay, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á. *Nền văn minh sông Hồng còn gọi là văn minh Văn Lang, mà đỉnh cao là văn hóa Đông Sơn rực rỡ, thành quả đáng tự hào của thời đại Hùng Vương.*

- Do có vị trí địa lý thuận lợi, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó. Sự xuất hiện các thế lực thù địch và âm mưu thôn tính mở rộng lãnh thổ của chúng là nguy cơ trực tiếp đe dọa vận mệnh đất nước ta. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hóa của mình chỉ có con đường duy nhất là đoàn kết đứng lên đánh giặc, giữ nước.

7.7.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

- Về địa lý

Nhà nước Văn Lang trước kia, nhà nước Việt Nam ngày nay có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và biển Đông, có hệ thống giao thông đường bộ, đường biển, đường sông, đường không, bảo đảm giao lưu trong khu vực Châu Á và thế giới thuận lợi. Đã từ lâu, nhiều kẻ thù luôn nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược. Để bảo vệ đất nước, bảo vệ sự trường tồn của dân tộc, cha ông ta đã đoàn kết và phát huy tối đa ưu thế của địa hình để lập thế trận đánh giặc.

- Về kinh tế

Kinh tế nước ta là tự cung, tự cấp, sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó trồng trọt, chăn nuôi là chủ yếu, trình độ canh tác thấp. Trong quá trình phát triển, tổ tiên ta đã kết hợp chặt chẽ tư tưởng dựng nước phải đi đôi với giữ nước, thực hiện nhiều kế sách như "Phú quốc, binh cường", "Ngụ binh ư nông"... Tích cực phát triển sản xuất, chăn nuôi để ổn định, nâng cao đời sống của nhân dân, đồng thời, phát huy tính sáng tạo trong lao động, tự tạo ra vũ khí để chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

- Về chính trị, VH-XH

Nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống hòa thuận, đoàn kết. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã xây dựng nhà nước, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội để cùng toàn dân đánh giặc. Đất nước bao gồm làng, xã, thôn, bản và có nhiều dân tộc cùng chung sống. Mỗi dân tộc, làng, xã có phong tục, tập quán riêng, tạo nên nét đặc sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình đó, dân tộc ta đã xây dựng được nền văn hóa truyền thống: Đoàn kết, yêu nước, thương nòi, sống hòa thuận, thủy chung, lao động cần cù sáng tạo, đấu tranh anh dũng kiên cường bất khuất.

7.7.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược (*giới thiệu*)

- Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

+ Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Đó là cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ, từ năm 214 đến 208 trước Công nguyên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán.

+ Sau cuộc kháng chiến chống Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước Công nguyên, nhưng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm họa hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kỳ Bắc thuộc).

- Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên đến đầu thế kỷ thứ X

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương...

đến nhà Tùy, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hóa dân tộc và quyết đứng lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

+ *Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào mùa xuân năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.*

+ *Năm 248, Triệu Thị Trinh phát cờ khởi nghĩa. Sau gần nửa năm chiến đấu khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. Mặc dù, bà Triệu cùng nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, nhưng kẻ thù có sức mạnh vượt trội và đàn áp rất khốc liệt, nên khởi nghĩa bị thất bại.*

+ *Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lý Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544, Lý Bôn lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.*

+ *Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.*

+ *Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.*

+ *Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.*

+ *Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và họa xâm lăng của quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã đứng lên lãnh đạo quân dân ta, kiên quyết đánh giặc, bảo vệ chủ quyền dân tộc. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn thuyền của quân Nam Hán, khiến tướng giặc Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãi binh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự chủ.*

- ***Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII***

+ *Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê*

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được tiến hành thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm

muu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở Trung quốc, nhà Tống đã thành lập và đang phát triển. Đây là triều đại cường thịnh của một quốc gia phong kiến lớn nhất Châu Á đương thời. Do sự suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt (quốc hiệu của nước ta lúc đó). Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức Thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mạng lịch sử, tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống.

+ Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075-1077) của nhà Lý

Đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỷ XI, vua Tống Thần Tông ra lệnh chuẩn bị lực lượng đánh Đại Việt lần nữa. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt, lúc đó nắm giữ binh quyền trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, nhận thấy không thể để bị động đối phó, đợi quân giặc tiến công sang, mà phải chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Với chủ trương thực hiện "Tiên phát chế nhân", "Ngôi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của chúng", Lý Thường Kiệt đã chủ động đưa quân tiến công sang đất Tống tiêu diệt lực lượng ở các căn cứ xuất phát của kẻ thù, rồi rút về phòng thủ đất nước. Biết quân Tống thế nào cũng kéo quân sang phục thù, Lý Thường Kiệt đã cho khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt để chặn giặc, đồng thời, triển khai lực lượng, bố trí thế trận chống giặc ngoại xâm. Trận phản công Như Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân xâm lược Tống ra khỏi biên cương của Tổ quốc.

+ Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỷ XIII

Từ năm 1225, Nhà Trần thay thế Nhà Lý lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226 - 1400), đã lãnh đạo nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào NTQS Việt Nam.

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287-1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên.

Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc đầu sỏ mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền NTQS của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên Mông.

+ Cuộc kháng chiến chống quân Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo (1400 - 1407).

Vào cuối thế kỷ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài "Phù Trần diệt Hồ", nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ quá thiên về phòng thủ, coi đó là phương thức cơ bản, dẫn đến sai lầm về chỉ đạo chiến lược. Mặt khác, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng, nên bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

+ Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo.

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418-1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của cha ông ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá.

+ Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1784-1785), kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh (1788-1789)

Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là Vua Lê - Chúa Trịnh. Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như: Khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xóa bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thể chế "Vua Lê, chúa Trịnh". Năm 1788, trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Tiếp theo là triều đại của Nguyễn Ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

7.7.1.4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành nghệ thuật CTND, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông. Trong quá trình đó, NTQS Việt Nam từng bước phát triển và được thể hiện rất sinh động trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng, trên các phương diện tư tưởng chỉ đạo tác chiến, mưu kế đánh giặc....

- Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

Giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, cha ông ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên

suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước. Điều đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

Sử sách còn ghi lại, thời nhà Lý đã chủ động đánh bại kẻ thù ở phía Nam (quân Chiêm Thành), phá tan âm mưu liên kết của nhà Tống với Chiêm Thành. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp "Tiên phát chế nhân" chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Ông đã tận dụng thế "Thiên hiểm" của địa hình, xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt, thực hiện trận quyết chiến chiến lược, chủ động chặn và đánh địch từ xa để bảo vệ Thăng Long.

Vào thế kỷ XIII, các quốc gia châu Âu, châu Á đang run sợ trước vó ngựa của giặc Nguyên Mông, thì cả ba lần tiến quân xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1288, giặc Nguyên đều thảm bại, mặc dù có số quân lớn hơn nhiều lần quân đội nhà Trần. Có được thắng lợi đó là do ta đã thực hiện toàn dân đánh giặc, "Cả nước chung sức, trăm họ là binh", trong đó, tích cực chủ động tiến công giặc là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các cuộc chiến tranh.

Trước đối tượng tác chiến là giặc Nguyên Mông có sức mạnh lớn hơn, ông cha ta đã kịp thời thay đổi phương thức tác chiến, tránh quyết chiến với địch khi chúng còn rất mạnh, chủ động rút lui chiến lược, bảo toàn lực lượng và tạo thế, thời cơ để phản công. Rút lui chiến lược, tạm nhường Thăng Long cho giặc trong một thời gian nhất định, là để bảo toàn lực lượng và đó là một nét độc đáo trong nghệ thuật tác chiến, chứ không phải là tư tưởng rút lui. Quân địch tạm chiếm được Thăng Long mà không chiếm được "Thủ đô" của kháng chiến, bởi vì chỉ chiếm được "Thành không, nhà trống". Trong khoảng thời gian đó, quân đội nhà Trần và nhân dân cả nước đã tích cực tác chiến nhỏ lẻ, tiêu hao nhiều lực lượng địch, làm cho chúng rơi vào trạng thái "Tiến thoái lưỡng nan", tạo thời cơ tốt nhất để phản công chiến lược, quét sạch quân thù ra khỏi đất nước (lần thứ nhất sau 9 ngày tính từ khi giặc Nguyên vào Thăng Long, lần thứ hai sau 5 tháng, lần thứ ba sau 3 tháng).

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, Ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29 vạn quân Thanh và quân bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỷ Dậu năm 1789), và đã giành thắng lợi trọn vẹn.

- Về mưu kế đánh giặc

Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, với ý chí kiên cường của dân tộc, triều đại nhà Lý, Trần, hậu Lê..., đã tạo được thế trận CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh.

Trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước, cha ông ta đã kết hợp chặt chẽ giữa quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch, làm cho lực lượng địch luôn bị phân tán, không thực hiện được hợp quân tại Thăng Long. Để bảo vệ Thăng Long, Lý Thường Kiệt đã xây dựng tuyến phòng ngự sông Cầu để chặn giặc, khi quân nhà Tống tiến công vượt sông không thành công phải chuyển vào phòng ngự. Ông đã dùng quân địa phương và dân binh liên tục quấy rối, làm cho địch mệt mỏi, căng thẳng, tạo thời cơ cho quân đội nhà Lý chuyển sang phản công giành thắng lợi hoàn toàn.

Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo, mà còn hết sức mềm dẻo, khôn khéo đó là "Biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ". Biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định. Lê Lợi, Nguyễn Trãi không những giỏi trong bày mưu, lập kế để đánh thắng giặc trên chiến trường, mà còn thực hiện "Mưu phạt công tâm", đánh vào lòng người. Sau khi đánh tan đạo quân viện binh do Liễu Thăng chỉ huy, đã vây chặt thành Đông Quan, buộc Vương Thông phải

đầu hàng vô điều kiện, nhưng các ông đã cấp thuyền, ngựa và lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một "Thiên la, địa võng" để diệt địch. Làm cho "Địch đông mà hóa ít, địch mạnh mà hóa yếu", đi đến đâu cũng bị đánh, luôn bị tập kích, phục kích, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, rơi vào trạng thái "Tiến thoái lưỡng nan". Trong tác chiến, ông cha ta đã triệt để khoét sâu điểm yếu của địch là tác chiến ở chiến trường xa, tiếp tế khó khăn, nên đã tập trung triệt phá lương thảo, hậu cần của địch. *Ngoài thực hiện kế "Thanh dã", làm cho kẻ thù rơi vào trạng thái "Người không có lương ăn, ngựa không có nước uống", quân đội nhà Trần tổ chức lực lượng đón đánh các lực lượng vận chuyển lương thực, hậu cần và đánh phá kho tàng của địch. Điển hình như đội quân của Trần Khánh Dư đã tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy ở bến Vân Đồn, làm cho giặc Nguyên ở Thăng Long vô cùng hoảng loạn.*

- Nghệ thuật CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc

Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Nét độc đáo đó xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì "Vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân: "Một xin rửa sạch nước thù; Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng; Ba kéo oan ức lòng chồng; Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này", đến Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", NTQS Việt Nam đã liên tục phát triển dựa trên nền tảng của CTND, thực hiện tốt đôi yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, để đạt mục đích là cùng giành lại và giữ vững chủ quyền đất nước với tư tưởng "Dập tắt muôn đời chiến tranh", "Đem lại thái bình muôn thuở". Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là: "Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị,

chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc làm cho địch đông mà hóa ít, mạnh mà hóa yếu, rơi vào trạng thái bị động, lúng túng và bị sa lầy". Trong đánh giặc, ông cha ta đã tận dụng địa hình, xây dựng thế trận làng, nước vững chắc, vận dụng sáng tạo cách đánh của nhiều lực lượng, nhiều thứ quân. Vận dụng rộng rãi, sáng tạo nhiều hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả cao như: Phòng ngự sông Cầu, phục kích Chi Lăng, phản công Chương Dương, Hàm Tử, tiến công Ngọc Hồi, Đống Đa...

- Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong NTQS của ông cha ta, khi dân tộc ta luôn phải chống lại các đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy "Thế" thắng "Lực". *Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua*, nhưng từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh, đó là: Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không thuần túy là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên tham chiến.

Để chống lại 30 vạn quân xâm lược Tống (1077), nhà Lý trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lý Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên-Mông, lần thứ 2 là 60 vạn, lần 3 là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã "Lấy đoản binh để chế trường trận", hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng "Tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và vận dụng cách đánh "Vây thành để diệt viện".

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mãn Thanh xâm lược, nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

- Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với mỗi quốc gia trong tham chiến. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã biết kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau, nhưng cùng thống nhất ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh.

Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hóa, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. *Điển hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở "Hội thề Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.*

Mặt trận binh vận để vận động làm tan rã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

- Về nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Trong các triều đại phong kiến, ông cha ta đã tổ chức và thực hành các trận đánh lớn để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. *Thời nhà Lý có phòng ngự sông Cầu (Như Nguyệt), đây là một điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật. Tác chiến phòng ngự*

ở Như Nguyệt không chỉ chặn đứng 30 vạn quân Tống, mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh để chiếm Thăng Long của chúng, khiến quân địch phải chuyển từ chủ động tiến công sang bị động phòng ngự.

Thời nhà Trần, lần chống giặc Nguyên thứ 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch hợp vây của địch. Trong cuộc truy đuổi, giặc Nguyên không thực hiện được những đòn quyết chiến với chủ lực ta, trái lại, chúng vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt. Do vậy, quân Nguyên đã sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, "Lực càng yếu, thế càng suy", điều đó đã tạo ra thời cơ phản công cho quân ta.

Thời nhà hậu Lê, sau 10 năm bền bỉ, gian khổ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng Thăng Long. Thắng lợi đó là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn giữ một vai trò rất quan trọng, đặc biệt ở giai đoạn cuối của chiến tranh. Trong chỉ đạo tác chiến, Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương "Lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở". Khi nghe tin viện binh nhà Minh sắp sang, nhiều tướng sĩ yêu cầu Lê Lợi hạ gập thành Đông Quan (Thăng Long) để diệt trừ nội ứng, rồi sau đó sẽ dốc toàn lực để đánh viện binh. Lê Lợi đã phân tích một cách sáng suốt và quyết định: "Đánh thành là hạ sách... Sao bằng nuôi dưỡng sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng. Làm một việc mà được cả hai, đó mới là kế sách vẹn toàn". Việc lựa chọn rất đúng mục tiêu tiến công chiến lược và kiệt xuất trong tổ chức, thực hành trận quyết chiến Xương Giang-Chi Lăng, buộc lũ giặc Vương Thông trong thành Đông Quan không đánh mà bị bắt, đã chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của ông trong tổ chức và thực hành các trận đánh lớn của ông cha ta.

Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rạch ròi nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến chiến lược, đặc biệt là giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Trong thực hành tác chiến, Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa,

khiến quân địch hoàn toàn bị động. Trong cách đánh, Nguyễn Huệ rất chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu, hiểm hóc. Đây vừa là nghệ thuật kết hợp tiến công chính diện với bên sườn, vừa là tiến hành nhiều trận đánh diễn ra đồng thời, liên tiếp, nhanh mạnh, bất ngờ, khiến địch không thể ứng cứu được cho nhau và nhanh chóng thất bại.

7.7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, NTQS Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. NTQS Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành: Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật quân sự là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò chủ đạo.

7.7.2.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

- Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, NTQS của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học vô giá cho thế hệ sau. Nhiều tư tưởng quân sự kiệt xuất như: "Bình thư yếu lược", "Hồ trướng khu cơ", "Bình Ngô đại cáo", những trận đánh điển hình như: Như Nguyệt, Chi Lăng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa..., đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Đây là cơ sở để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc XHCN và kinh nghiệm NTQS được đúc rút qua các cuộc chiến tranh do V.I. Lênin tổng kết, là cơ sở để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lý luận Mác-Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển NTQS Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã từng biên dịch "Binh pháp Tôn Tử", viết về "Kinh nghiệm du kích Tàu", "Du kích Nga"..., phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự..., qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

7.7.2.2. Nội dung NTQS Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

- Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh thắng lợi, bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong NTQS.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, NTQS Việt Nam đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau.

+ Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

Đây là vấn đề quan trọng của chiến tranh cách mạng, nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác để từ đó có đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. *Thực tiễn ở nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: Quân đội Anh, Tưởng, Nhật và quân Pháp. Tất cả đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ.* Trước tình hình đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp. Đây là tư duy chính xác và khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử "Ngàn cân treo sợi tóc". Từ đó, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, khi đế quốc Mỹ không chịu ký hiệp định Giơnevơ, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng

9/1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mỹ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng nói chung, của chiến lược quân sự nói riêng.

+ *Đánh giá đúng kẻ thù*

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Bước vào kháng chiến chống Pháp, so sánh lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch, nhưng với phương pháp xem xét biện chứng, Đảng ta đã phân tích, chỉ ra sự phát triển trong so sánh lực lượng và cho rằng: "Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, hồng hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ" còn "Lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến...". Đối với đế quốc Mỹ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều, nhưng chúng có điểm yếu chí mạng là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mỹ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định "Mỹ giàu nhưng không mạnh", đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

+ *Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc*

Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Mở đầu chiến tranh

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm thỏa mãn mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ.

Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946, Bác Hồ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, cách mạng miền Nam đã có bước trưởng thành, đây là thời điểm sau Đồng khởi và không cho Mỹ tạo cơ phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Kết thúc chiến tranh

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mỹ, ta chọn thời điểm, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tại các thời điểm đó, thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

+ Phương châm tiến hành chiến tranh

Để chống lại chiến tranh xâm lược của những kẻ thù có sức mạnh hơn ta nhiều lần, Đảng ta chỉ đạo tiến hành CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao..., trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định nhất. Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần "Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính", và phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

+ Phương thức tiến hành chiến tranh

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó, Đảng ta chỉ đạo: Phương thức tiến hành chiến tranh là CTND kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự, bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận, trên cả ba vùng chiến lược: Rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

Như vậy chiến lược quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã phát triển cao, giải quyết thành công nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn

chiến tranh, thực sự trở thành bộ phận chủ đạo của NTQS Việt Nam, góp phần quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến của quân và dân ta đi đến thắng lợi.

- Nghệ thuật chiến dịch

"Nghệ thuật chiến dịch là lý luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương, bộ phận hợp thành của NTQS, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật."

Chiến dịch hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc-Thu Đông 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau và hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ. Sự hình thành chiến dịch và phát triển của nghệ thuật chiến dịch, bộ phận hợp thành của NTQS Việt Nam là toàn diện, tập trung những vấn đề chủ yếu sau:

+ Loại hình chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng vũ trang đã tổ chức và thực hành các loại hình chiến dịch:

Chiến dịch tiến công. Ví dụ: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

Chiến dịch phản công. Ví dụ: Chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công đường 9, Nam Lào năm 1971.

Chiến dịch phòng ngự. Ví dụ: Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972.

Chiến dịch phòng không, như chiến dịch phòng không Hà Nội 1972.

Chiến dịch tiến công tổng hợp, như chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8.

+ Quy mô chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến

cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

Trong kháng chiến chống Mỹ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, vào giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch

Thời kỳ đầu, do so sánh lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch, bộ đội ta mới có kinh nghiệm chiến đấu những trận đánh đơn lẻ, chưa có kinh nghiệm tác chiến ở quy mô chiến dịch. Nhưng từ trong thực tiễn chiến tranh, trình độ chỉ huy và thực hành tác chiến của bộ đội ta đã ngày càng trưởng thành.

Từ chiến dịch Việt Bắc 1947 đến chiến dịch Biên giới 1950 và đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc như: Nghệ thuật lựa chọn khu vực tác chiến chủ yếu, nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch, nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch, nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch...

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc, đó là: Xác định đúng phương châm tác chiến chiến dịch, việc thay đổi phương châm tác chiến từ "Đánh nhanh, thắng nhanh" sang "Đánh chắc, tiến chắc" thể hiện sự phân tích khoa học, khách quan tình hình địch, ta và địa hình. Xây dựng thế trận chiến dịch vững chắc, thực hiện bao vây rộng lớn, chia cắt và cô lập Điện Biên Phủ với các chiến trường khác. Phát huy cao nhất sức mạnh tác chiến hiệp đồng các binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực đánh dứt điểm từng trận then chốt, tiêu diệt từng bộ phận địch, phá vỡ từng mảng phòng ngự của chúng. Vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch, dựa vào hệ thống trận địa, thực hành vây hãm kết hợp với đột phá, kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu, tạo thế chia cắt địch, kết hợp

các đợt đánh lớn, đánh vừa và thường xuyên vây lấn, ngày càng siết chặt vòng vây, tạo thời cơ thực hành tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật chiến dịch đã kế thừa những kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp và nâng lên một tầm cao mới. Nghệ thuật chiến dịch đã chỉ đạo chiến thuật đánh bại tất cả các chiến lược quân sự, biện pháp, thủ đoạn tác chiến của quân Mỹ, ngụy và chư hầu. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển nhảy vọt, được thể hiện ở các nội dung sau:

Nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, đảm bảo đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch. Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (vận dụng hai cách đánh lần lượt và đồng loạt). Nghệ thuật phát huy sức mạnh của các binh chủng, quân chủng trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn. Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến ba thứ quân, lấy đòn đánh lớn của chủ lực làm trung tâm phối hợp. Nghệ thuật chỉ đạo vận dụng chiến thuật sáng tạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Nghệ thuật khuếch trương kết quả của trận then chốt trước với trận then chốt sau trong chiến dịch tiến công.

Như vậy, cách đánh chiến dịch của ta là cách đánh chiến dịch của CTND phát triển cao, là vận dụng tổng hợp cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức, quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng quan binh chủng) trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược vạch ra, tạo sự chuyển hóa chiến lược to lớn, góp phần quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh. Các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, Huế- Đà Nẵng, Hồ Chí Minh..., đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá, có thể vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay và tương lai.

- Chiến thuật

"Chiến thuật là lý luận và thực tiễn về tổ chức, thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của NTQS Việt Nam".

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến thuật được thể hiện:

+ Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là "Quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch". Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. *Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974...* Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

+ Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như súng cối 82mm, DKZ... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh,

phòng không.... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

+ **Cách đánh**

Là nội dung quan trọng nhất của lý luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

Như vậy, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến thuật là một trong ba bộ phận hợp thành NTQS Việt Nam đã phát triển rất phong phú, đa dạng và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ do chiến lược, chiến dịch đặt ra, và đã để lại nhiều kinh nghiệm có giá trị to lớn thực tiễn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

7.7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về NTQS vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên

NTQS Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, NTQS ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật CTND, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh... Những bài học kinh nghiệm về NTQS vẫn còn nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

7.7.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, NTQS của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, NTQS của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch, tiến công địch vào đúng thời cơ, thời điểm thích hợp

Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự, mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện "Mưu phạt công tâm", đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Như vậy, trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, chúng ta hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

7.7.3.2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc

Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ NTQS truyền thống của dân tộc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, NTQS chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của LLVTND. Đó là một nguyên tắc trong NTQS của toàn dân đánh giặc, thể hiện cụ thể trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, đối tượng và thời cơ tiến công..., trong kế hoạch chiến lược, chiến dịch, cũng như từng trận đánh cụ thể.

Trong hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn. Mỗi lực lượng, mỗi thứ quân đều có vị trí tác dụng và có những quy luật hoạt động riêng. Vì vậy, cần phải phối hợp tác chiến của các lực lượng, các thứ quân cả về chiến lược cũng như trong chiến dịch và chiến đấu. Trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

7.7.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời, mưu

Trong đấu tranh vũ trang, trước một đối tượng có sức mạnh vượt trội về quân sự, khoa học công nghệ phải biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố: Lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo. *Dùng lực phải dựa vào thế có lợi, dùng đúng nơi, đúng lúc mới đạt hiệu quả cao, lực nhỏ hóa lớn, yếu hóa mạnh. Tạo thế, tạo lực để sẵn sàng đánh địch khi thời cơ có lợi nhất. Muốn đánh thắng, còn phải dùng mưu kế, hạn chế cái*

mạnh của địch, phát huy thế mạnh của ta. Luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, bất ngờ, nhất là trong điều kiện lực lượng quân sự địch mạnh, có vũ khí công nghệ cao.

NTQS của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng "Nhân hòa". Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác, ta mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, đánh thắng kẻ thù có kinh tế, quân sự mạnh khi chúng liều lĩnh xâm lược nước ta.

7.7.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch

Vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phát huy được khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng địch trong mọi tình thế. Mặt khác, phải tận dụng địa hình, yếu tố bí mật, bất ngờ, tiết kiệm lực lượng để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, đánh là thắng.

7.7.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu. Muốn giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. *Đánh tiêu hao rộng rãi bằng đánh nhỏ, đánh vừa của CTND địa phương, sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt quân địch.* Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật trong CTND bảo vệ Tổ quốc.

7.7.3.6. Trách nhiệm của sinh viên

Nghiên cứu NTQS của các thế hệ ông cha, chúng ta có quyền tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Ngày nay, đất nước đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo

của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhưng kẻ thù vẫn đang tìm mọi thủ đoạn để xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta. Do vậy, trách nhiệm của sinh viên rất nặng nề đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết, mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, đặc biệt là không ngừng bồi đắp lòng yêu quê hương, đất nước. Đồng thời, phải phấn đấu, tu dưỡng để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần.

7.7.4. Kết luận

NTQS Việt Nam hình thành, phát triển, gắn liền với các yếu tố địa lý, kinh tế, chính trị xã hội. Từ khi có Đảng lãnh đạo, NTQS Việt Nam phát triển dựa trên nền tảng lý luận quân sự Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh hoa truyền thống quân sự dân tộc.

Nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên được hình thành và phát triển qua các tư tưởng, kế sách đánh giặc, nghệ thuật CTND, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh và sự phối hợp giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận trong khởi nghĩa và chiến tranh đã góp phần đánh bại các thế lực xâm lược, bảo vệ non sông bờ cõi, tổ tiên giống nòi.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, NTQS Việt Nam đã kế thừa nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và đã không ngừng phát triển, góp phần quyết định giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Nghiên cứu, học tập NTQS Việt Nam, chúng ta tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc. Với thế hệ trẻ, phải nhận rõ trách nhiệm để luôn giữ gìn, kế thừa và phát triển truyền thống đó, hoàn thành mọi nhiệm vụ góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam XHCN.

PHẦN C: KẾT THÚC GIẢNG DẠY

7.8. Hệ thống nội dung đã giảng dạy

- Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

- Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về NTQS vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.

7.2.2. Trọng tâm

- Nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

7.9. Hướng dẫn nội dung ôn tập, thảo luận

- Tập trung vào các vấn đề: Nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

7.10. Câu hỏi ôn tập, thảo luận

Câu 1. Phân tích nghệ thuật đánh giặc của Tổ tiên.

Câu 2. Trình bày những nét đặc sắc về NTQS Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

7.11. Nhận xét, đánh giá kết quả giờ học

- Về ý thức, thái độ học tập.
- Việc chấp hành quy chế, thời gian, số lượng sinh viên tham gia giờ học.
- Kiểm tra (nếu có), xuống lớp hoặc chuyển nội dung học.

*** TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đồng Xuân Bách và nhóm tác giả (2005), *Giáo dục quốc phòng, (Đại học và Cao đẳng, sách dùng cho giáo viên), tập 1*; NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Đào Duy Hiệp và nhóm tác giả (2009), *Giáo trình giáo dục quốc phòng-an ninh, (dùng cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng), tập 1*; NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2013, 2015, 2017, 2018), *Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng-an ninh*; Hà Nội.

MỤC LỤC

<i>NỘI DUNG</i>	<i>TRANG</i>
Bìa	1
Lời nói đầu	2-3
Danh mục từ viết tắt dùng trong bài giảng	4
Bài 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học GDQP-AN.	5-10
Bài 2. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	10-30
Bài 3. Xây dựng nền QPTD, ANND bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	30-40
Bài 4. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	40-51
Bài 5. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.	51-62
Bài 6. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP-AN	62-85
Bài 7. Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam	85-111
Tài liệu tham khảo	112
Mục lục	113